

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 17/4/2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 57.418.170.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, bốn trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 17/4/2012 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng, Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trương Đức Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Vũ Kế Chương	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Đỗ Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2017
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị	
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 29/04/2017

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 06/01/2017

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10/07/2017 Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 33/GNC-UBCK để tăng vốn. Tổng số cổ phiếu chào bán là 3.786.167 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *thay*



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Số: 167/2017/BCKTHN-PB.00081

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2017, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855 2016 009 1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		406.004.609.794	418.857.452.758
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.700.765.404	3.119.137.379
1. Tiền	111		4.700.765.404	3.119.137.379
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.917.815.252	280.200.494.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	191.364.585.151	256.554.004.012
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.662.210.737	15.228.432.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	18.304.051.803	15.831.090.273
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
IV. Hàng tồn kho	140		154.396.778.973	134.785.880.112
1. Hàng tồn kho	141	5.4	154.396.778.973	134.785.880.112
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		989.250.165	751.940.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	654.269.523	400.914.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		334.980.642	349.011.458
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.014.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.914.115.217	98.559.863.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.065.601.914	2.075.220.465
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.065.601.914	2.075.220.465
II. Tài sản cố định	220		84.271.546.570	85.371.744.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	82.351.726.386	83.306.495.530
- Nguyên giá	222		161.743.486.172	158.399.086.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.391.759.786)	(75.092.590.642)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	1.919.820.184	2.065.249.252
- Nguyên giá	225		2.326.865.454	2.326.865.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(407.045.270)	(261.616.202)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	7.919.331.238	5.155.778.781
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.919.331.238	5.155.778.781
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.657.635.495	5.957.119.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.657.635.495	5.957.119.919
TỔNG TÀI SẢN	270		505.918.725.011	517.417.316.705

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		409.161.036.836	420.868.268.927
I. Nợ ngắn hạn	310		381.589.266.798	395.304.306.308
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	55.587.704.894	117.378.437.839
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		57.898.089.105	14.407.875.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	18.756.126.758	24.683.106.048
4. Phải trả người lao động	314		17.937.633.597	17.876.215.451
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	14.059.638.991	4.886.975.430
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.770.958.969	8.150.901.081
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	14.086.789.085	15.633.230.164
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	200.568.284.542	192.114.766.971
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.040.857	172.797.469
II. Nợ dài hạn	330		27.571.770.038	25.563.962.619
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	27.571.770.038	25.563.962.619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.757.688.175	96.549.047.778
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	96.757.688.175	96.549.047.778
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.418.170.000	57.418.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.418.170.000	57.418.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.897.222.273	12.897.222.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.996.316.398	18.827.601.316
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.434.956.890	1.487.098.421
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.011.022.614	5.918.955.768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.023.238.829	2.023.238.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		987.783.785	3.895.716.939
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		505.918.725.011	517.417.316.705



Vũ Kế Chương
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	160.146.836.878	135.248.904.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.146.836.878	135.248.904.081
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	140.753.351.506	119.617.726.086
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.393.485.372	15.631.177.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	82.215.769	37.358.248
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.053.695.718	7.403.630.489
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.028.241.356</i>	<i>7.226.241.745</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.357.266.330	5.635.224.335
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.064.739.093	2.629.681.419
11. Thu nhập khác	31	6.5	207.295.794	13.848.913
12. Chi phí khác	32	6.6	40.279.919	22.955.511
13. Lợi nhuận khác	40		167.015.875	(9.106.598)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.231.754.968	2.620.574.821
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	243.971.183	557.788.398
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		987.783.785	2.062.786.423
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	172	359



Vũ Kế Chương
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017 VND	2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	231.285.472.175	175.709.558.277
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(181.032.600.026)	(139.852.815.529)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(36.607.792.550)	(39.023.950.051)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(6.944.041.770)	(7.226.241.745)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(273.680.668)	(1.266.205.926)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	19.208.209.850	12.288.718.286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(32.249.253.981)	(24.801.455.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.613.686.970)	(24.172.392.619)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.294.468.000)	(606.905.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.766.539	27.905.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.269.701.461)	(578.999.690)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	128.379.953.068	110.096.124.384
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.659.006.740)	(93.800.722.383)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(259.621.338)	(335.687.334)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.461.324.990	15.959.714.667
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.577.936.559	(8.791.677.642)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.119.137.379	28.413.907.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.691.466	(3.944.182)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.700.765.404	19.618.285.373



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 57.418.170.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.741.817 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/6/2017, công ty có 02 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy số 2	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	337.184.304	288.067.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.363.581.100	2.831.069.694
Cộng	4.700.765.404	3.119.137.379

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	179.299.783.793	242.916.799.215
- Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc	13.706.575.637	11.941.359.637
- Công ty CP đầu tư và thương mại dầu khí Sông Đà	7.744.835.805	5.907.639.671
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI	14.358.665.312	50.727.555.560
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh	11.038.179.266	10.217.351.495
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia	15.378.849.081	20.054.406.000
- Công ty CP tập đoàn XD và DL Bình Minh (XM Trung Sơn)	8.926.628.295	8.926.628.295
- Công ty CP Xi măng Bắc Giang (Hương Sơn)	8.591.996.692	8.591.996.692
- Wuhan Kaidi Electric Power Environmental Co.,Ltd. (Nhiệt điện Thái Bình II)	-	5.914.516.093
- Khách hàng khác	99.554.053.705	120.635.345.772
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	12.064.801.358	13.637.204.797
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	11.524.935.342	13.097.338.781
- Công ty cổ phần Lilama 10	46.364.659	46.364.659
- Công ty cổ phần Lilama 7	493.501.357	493.501.357
Cộng	191.364.585.151	256.554.004.012

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	18.304.051.803	-	15.831.090.273	-
- Ký cược, ký quỹ	4.466.847.785	-	3.232.326.692	-
- Phải thu khác	1.805.405.532	-	3.329.086.010	-
- Tạm ứng	12.031.798.486	-	9.269.677.571	-
Dài hạn	2.065.601.914	-	2.075.220.465	-
- Ký cược, ký quỹ	2.065.601.914	-	2.075.220.465	-
Cộng	20.369.653.717	-	17.906.310.738	-

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	15.683.046.149	-	12.392.544.503	-
- Công cụ, dụng cụ	1.316.373.653	-	1.290.420.879	-
- Chi phí SXKD dở dang	137.397.359.171	-	120.869.414.730	-
- Hàng hóa	-	-	233.500.000	-
Cộng	154.396.778.973	-	134.785.880.112	-

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	654.269.523	400.914.545
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	276.269.523	375.914.545
- Tiền thuê văn phòng	378.000.000	25.000.000
b. Dài hạn	5.657.635.495	5.957.119.919
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	324.516.827	557.613.879
- Các khoản khác	5.333.118.668	5.399.506.040
Cộng	6.311.905.018	6.358.034.464

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>935.731.847</u>	<u>935.731.847</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>935.731.847</u>	<u>935.731.847</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Trương Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 05 tháng kết thúc vào ngày 30/5/2017

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	77.035.500.907	39.685.575.768	41.147.732.866	530.276.631	-	158.399.086.172
- Mua trong năm	-	638.000.000	2.706.400.000	-	-	3.344.400.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>77.035.500.907</u>	<u>40.323.575.768</u>	<u>43.854.132.866</u>	<u>530.276.631</u>	<u>-</u>	<u>161.743.486.172</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	18.232.471.661	23.041.875.143	33.380.794.835	437.449.003	-	75.092.590.642
- Kéo hao trong năm	1.727.662.328	1.043.503.736	1.518.733.106	9.269.974	-	4.299.169.144
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>19.960.133.989</u>	<u>24.085.378.879</u>	<u>34.899.527.941</u>	<u>446.718.977</u>	<u>-</u>	<u>79.391.759.786</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	58.803.029.246	16.643.700.625	7.766.938.031	92.827.628	-	83.306.495.530
Số cuối kỳ	<u>57.075.366.918</u>	<u>16.238.196.889</u>	<u>8.954.604.925</u>	<u>83.557.654</u>	<u>-</u>	<u>82.351.726.386</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

75.683.690.959 đồng
34.229.242.093 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	2.326.865.454	-	2.326.865.454
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.326.865.454</u>	<u>-</u>	<u>2.326.865.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	261.616.202	-	261.616.202
- Khấu hao trong năm	145.429.068	-	145.429.068
Số cuối kỳ	<u>407.045.270</u>	<u>-</u>	<u>407.045.270</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>2.065.249.252</u>	<u>-</u>	<u>2.065.249.252</u>
Số cuối kỳ	<u>1.919.820.184</u>	<u>-</u>	<u>1.919.820.184</u>

5.9 Tài sản dở dang

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2016	5.719.753.266	5.719.753.266	3.205.512.008	3.205.512.008
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017	205.980.659	205.980.659	-	-
- Các dự án khác	1.993.597.313	1.993.597.313	1.950.266.773	1.950.266.773
Cộng	<u>7.919.331.238</u>	<u>7.919.331.238</u>	<u>5.155.778.781</u>	<u>5.155.778.781</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.10 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	53.572.070.314	53.572.070.314	116.078.899.295	116.078.899.295
- C.ty CP Thương Mại và Đầu Tư Thành Phúc	3.209.334.332	3.209.334.332	3.872.005.132	3.872.005.132
- C.Ty TNHH Chống ăn mòn Hoàng Long	241.191.487	241.191.487	441.191.487	441.191.487
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	6.330.605.021	6.330.605.021	3.602.941.549	3.602.941.549
- Công ty CP TM XNK và kết cấu thép Hưng Thịnh Phát	2.682.511.612	2.682.511.612	2.590.663.924	2.590.663.924
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI -	-	-	46.882.336.048	46.882.336.048
- Công ty TNHH vận tải Xuân Phú	1.752.300.000	1.752.300.000	2.077.020.000	2.077.020.000
- Phải trả khác	39.356.127.862	39.356.127.862	56.612.741.155	56.612.741.155
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	1.283.038.544	1.283.038.544	1.299.538.544	1.299.538.544
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	-	-	16.500.000	16.500.000
- Công ty CP Lilama 7	868.615.144	868.615.144	868.615.144	868.615.144
- Công ty CP Lilama 5	298.564.200	298.564.200	298.564.200	298.564.200
- Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	115.859.200	115.859.200	115.859.200	115.859.200
Cộng	54.855.108.858	54.855.108.858	117.378.437.839	117.378.437.839

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 25 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối kỳ VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	24.683.106.048	3.606.486.386	9.533.465.676	18.756.126.758
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	21.010.359.703	3.128.375.581	8.954.705.307	15.184.029.977
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.998.543	26.998.543	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.253.659.500	241.956.299	273.680.668	3.221.935.131
- Thuế thu nhập cá nhân	416.338.864	102.322.900	168.500.114	350.161.650
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	102.833.063	102.833.063	-
- Các loại thuế khác	2.747.981	4.000.000	6.747.981	-
Cộng	24.683.106.048	3.606.486.386	9.533.465.676	18.756.126.758

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.12 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	14.059.638.991	4.886.975.430
- Trích trước chi phí công trình	5.275.274.723	4.762.408.293
- Trích trước lãi vay phải trả	1.081.369.203	124.567.137
- Mua vật liệu nhập kho chưa có hoá đơn	7.702.995.065	
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.059.638.991	4.886.975.430

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	14.086.789.085	15.633.230.164
- Kinh phí công đoàn	2.162.460.488	1.950.029.904
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	3.718.806.922	2.701.905.507
- Bảo hiểm thất nghiệp	901.024.597	2.481.850.765
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.304.497.078	8.499.443.988
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.086.789.085	15.633.230.164

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TONG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn		200.568.284.542	200.568.284.542	123.992.027.543	115.538.509.972	192.114.766.971	192.114.766.971
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (1)	107.846.756.660	107.846.756.660	55.960.714.554	28.919.949.861	80.805.991.967	80.805.991.967
-	Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng (2)	71.095.080.841	71.095.080.841	50.219.465.948	86.618.560.111	107.494.175.004	107.494.175.004
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng (3)	17.811.847.041	17.811.847.041	17.811.847.041	-	-	-
-	Vay cá nhân	3.814.600.000	3.814.600.000	-	-	3.814.600.000	3.814.600.000
b. Vay dài hạn		26.505.327.385	26.505.327.385	4.387.925.525	2.120.496.768	24.237.898.628	24.237.898.628
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (4)	18.853.826.438	18.853.826.438	-	1.031.358.768	19.885.185.206	19.885.185.206
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng (5)	7.651.500.947	7.651.500.947	4.387.925.525	1.089.138.000	4.352.713.422	4.352.713.422
c. Thuê tài chính		1.066.442.653	1.066.442.653			1.326.063.991	1.326.063.991
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (6)	1.066.442.653	1.066.442.653	-	259.621.338	1.326.063.991	1.326.063.991
Cộng		228.140.054.580	228.140.054.580	128.379.953.068	117.659.006.740	217.678.729.590	217.678.729.590

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuê
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	319.084.063	259.621.338	238.539.392	40.873.394
	59.462.725	-	-	-
	59.462.725	259.621.338	238.539.392	197.665.998

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3506/2016/HĐHM-PN/SHB 110400 ngày 16/6/2016, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 200 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/3/2014; Hợp đồng số 733.KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 203.KD/09.TCTS ngày 23/3/2009; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/5/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/2/2013; Hợp đồng số SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHBHP ngày 27/4/2011; Hợp đồng số 2406/2012/TCQĐN/SHBHP ngày 04/6/2012; Hợp đồng số 5607/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 30/7/2013; Hợp đồng số 7810/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 17/10/2013; Hợp đồng số 10507/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 05/7/2014; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/3/2014 và bổ sung các phụ lục hợp đồng số 5805/2015/TCQĐN/SHB110400/PL08 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 17811/2014/TCQĐN/SHB 110400/PL07 ngày 16/6/2016, phụ lục SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHB-HP/PL09 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 0502/2014/TCQĐN/SHB-HP/PL 16 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 4303/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL 04 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 203.KD/09.TCTS/2014/PLHĐ-06 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 8005/2014/HĐTC-PN/SHB 110400/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL02 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 733.KD/08.TCTS/2014/PLHĐ-05 ngày 16/6/2016.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2741/16/TD-TT/XI ngày 23/6/2016, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản và quyền đòi nợ quy định trong hợp đồng thế chấp số 1393/14/TC/XI ngày 24/10/2014, Hợp đồng số 2358/15/TC-TT/XI ngày 25/6/2015, hợp đồng số 3161/15/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 2749/15TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 3197/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 15/15/TC/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 6160/15/TC-TT/XI ngày 08/12/2015, hợp đồng số 6500/15/TC-TT/XI ngày 15/12/2015, hợp đồng số 6716/15/TC-TT/XI ngày 22/12/2015, hợp đồng số 875/16/TC-TT/XI ngày 15/3/2016, hợp đồng số 1463/16/TC-TT/XI ngày 06/4/2016, Hợp đồng số 1795/16/TC-TT/XI ngày 25/4/2016, hợp đồng số 1838/16/TC-TT/XI ngày 05/5/2016, hợp đồng số 2907/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 39639.16.257.1339407.TD ngày 30/09/2016, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/07/2017, hạn mức vay tối đa là 75 tỷ đồng, trong đó hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công ty CP Lilama 69-2 đang nắm giữ đó là máy cần trục thủy lực bánh xích Model QUY 150C mua của công ty CP khoa học sản xuất mỏ, hóa đơn GTGT số 0092201 ngày 08/08/2008.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009, Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/09/2016; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(6) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 43.16.01/CTTC ngày 11/08/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%/năm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 12.15.02/CTTC ngày 04/03/2015, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.183.040.000 đồng, tỷ lệ cho thuê: 70% giá trị tài sản tương đương 828.128.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Trần Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán: 05 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.15 Vốn chủ sở hữu**5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND		VND	VND	
01/01/2017	57.418.170.000	12.897.222.273	-	-	18.827.601.316	1.487.098.421	5.918.955.768	96.549.047.778		
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	987.783.785	987.783.785	987.783.785
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.168.715.082	1.947.858.469	-	-	3.116.573.551	3.116.573.551
- Tăng khác	-	-	-	58.759.756	-	-	-	-	58.759.756	58.759.756
- Giảm: vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	3.895.716.939	3.895.716.939	3.895.716.939
- Giảm: khác	-	-	-	58.759.756	-	-	-	-	58.759.756	58.759.756
30/6/2017	57.418.170.000	12.897.222.273	-	-	19.996.316.398	3.434.956.890	3.011.022.614	96.757.688.175		

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 88/NQ-DHĐCĐ2017 ngày 29/04/2017:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.168.715.082	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	779.143.388	đồng
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	1.947.858.469	đồng
Tổng cộng	3.895.716.939	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	30.478.070.000	30.478.070.000
- Vốn góp của cổ đông khác	26.940.100.000	26.940.100.000
Cộng	57.418.170.000	57.418.170.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong tháng 7,8/2017 là: 3.786.167 CP, trong đó chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 2.500.000 CP; phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.286.167 CP.

5.15.3 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.741.817	5.741.817
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.741.817	5.741.817
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.741.817</i>	<i>5.741.817</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.741.817	5.741.817
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.741.817</i>	<i>5.741.817</i>
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
a. Doanh thu	160.146.836.878	135.248.904.081
- Doanh thu hoạt động xây lắp	121.528.622.950	114.446.705.934
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	38.618.213.928	20.802.198.147
Cộng	160.146.836.878	135.248.904.081

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	103.036.426.950	100.502.678.190
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	37.716.924.556	19.115.047.896
Cộng	140.753.351.506	119.617.726.086

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.025.762	37.358.248
- Lãi chênh lệch tỷ giá	5.011.035	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.178.972	-
Cộng	82.215.769	37.358.248

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.028.241.356	7.226.241.745
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.454.362	69.048.548
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	108.340.196
Cộng	10.053.695.718	7.403.630.489

6.5 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
- Vật tư thu hồi	29.379.180	1.626.455
- Hao phí phát sinh tính vào công nợ khách hàng	157.526.614	-
- Các khoản khác	20.390.000	12.222.458
Cộng	207.295.794	13.848.913

6.6 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	40.279.919	17.955.511
- Các khoản chi phí khác	-	5.000.000
Cộng	40.279.919	22.955.511

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.231.754.968	2.620.574.821
Các khoản chi phí không được khấu trừ	40.279.919	168.367.169
- Các khoản chi phí (phạt)	40.279.919	17.955.511
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	145.411.658
- Chi phí không được trừ khác	-	5.000.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	52.178.972	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	52.178.972	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.219.855.915	2.788.941.990
Chi phí thuế TNDN hiện hành	243.971.183	557.788.398

6.8 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu*Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	987.783.785	2.062.786.423
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	172	359

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	43.192.595.757	36.670.868.052
Chi phí nhân công	36.744.952.444	40.306.530.065
Khấu hao tài sản cố định	4.441.764.879	4.942.805.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.773.267.847	26.184.066.836
Chi phí bằng tiền khác	9.487.185.048	8.869.991.398
Cộng	121.639.765.975	116.974.261.391

6.10 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.700.765.404	3.119.137.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	211.734.238.868	274.460.314.750
Cộng	216.435.004.272	277.579.452.129
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	228.140.054.580	217.678.729.590
Phải trả người bán và phải trả khác	62.892.201.972	125.877.881.827
Chi phí phải trả	14.059.638.991	4.886.975.430
Cộng	305.091.895.543	348.443.586.847
Trạng thái ròng	(88.656.891.271)	(70.864.134.718)

Tại ngày 30/6/2017 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Vay và nợ ngắn hạn	200.568.284.542	27.571.770.038	228.140.054.580
Phải trả người bán và phải trả khác	62.892.201.972	-	62.892.201.972
Chi phí phải trả	14.059.638.991	-	14.059.638.991
Cộng	277.520.125.505	27.571.770.038	305.091.895.543
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	192.114.766.971	25.563.962.619	217.678.729.590
Phải trả người bán và phải trả khác	125.877.881.827	-	125.877.881.827
Chi phí phải trả	4.886.975.430	-	4.886.975.430
Cộng	322.879.624.228	25.563.962.619	348.443.586.847

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.700.765.404	-	4.700.765.404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	208.936.040.918	2.065.601.914	211.001.642.832
Cộng	213.636.806.322	2.065.601.914	215.702.408.236
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.119.137.379	-	3.119.137.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.385.094.285	2.075.220.465	274.460.314.750
Cộng	275.504.231.664	2.075.220.465	277.579.452.129

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.11 Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.528.622.950	38.618.213.928	160.146.836.878
Khấu hao và chi phí phân bổ	3.372.816.540	1.071.781.672	4.444.598.212
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	749.587.101	238.196.684	987.783.785
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	3.344.400.000	-	3.344.400.000
Tài sản bộ phận	505.270.114.563	-	505.270.114.563
Tổng tài sản	505.270.114.563	-	505.270.114.563
Nợ phải trả bộ phận	408.512.426.388	-	408.512.426.388
Tổng nợ phải trả	408.512.426.388	-	408.512.426.388

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.146.836.878	-	160.146.836.878
Tài sản bộ phận	505.270.114.563	-	505.270.114.563
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	3.344.400.000	-	3.344.400.000

6.12 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
USD	1.277,89	2.957,58
EUR	192,06	197,52

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	717.416.000	541.954.000
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGĐ	717.416.000	541.954.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2017

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, giao dịch và các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	3.928.896.749
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng Người mua trả tiền trước	11.524.935.342 4.472.400.106
Công ty cổ phần Lilama 10	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	493.501.357
Công ty cổ phần Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng Người mua trả tiền trước	46.364.659 (1.781.379.671)
		Trả trước người bán	517.891.710
Công ty cổ phần Lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(298.564.200)
Công ty cổ phần Lilama 45.4	Thành viên Tổng Công ty	Trả trước người bán	300.000.000
Công ty cổ phần Lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(868.615.144)
Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(115.859.200)

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kê toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập